TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Tứ và bà Phan Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 11, xã N, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 09, xã N, tỉnh Lâm Đồng – *Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-12-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc V đăng ký kết hôn ngày 24-10-2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ (*sinh ngày 13-4-2018).* Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến tuổi thành niên. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng; ngày 15-01-2026, chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Quốc V nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh V đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 6 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ (*sinh ngày 13-4-2018*) cho chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Cao Thị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn 09, xã N, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh V đăng ký kết hôn ngày 24-10-2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh V nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh V đều vắng mặt, không có thiện chí hòa giải; chị T xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên không thể hòa giải đoàn tụ và cương quyết ly hôn; kết quả xác minh đối với bố anh V và mẹ chị T đều trình bày anh V và chị T thường xuyên mâu thuẫn, gia đình hai bên đã họp để hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị T và anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh V.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Chị T xác định anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ (*sinh ngày 13-4-2018)*. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến tuổi thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 16-01-2026, cháu Đ trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh V đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V về việc có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con hay không. Mặt khác, cháu Đ là con gái rất cần sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ của người mẹ; từ sau khi anh chị ly thân đến nay thì cháu Đ sống với chị T và được chị T nuôi dạy tốt, khỏe mạnh. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu Đ, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống và giáo dục gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị T đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của chị T.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T:

1.1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ (*sinh ngày 13-4-2018)* cho chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T về cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 05-01-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng (*đăng ký số 63/2018 ngày 24-10-2018 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang